

UBND TỈNH LÀO CAI  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 745 /STC-KT

Lào Cai, ngày 08 tháng 8 năm 2025

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Quyết định  
ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều tại  
quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai  
(cũ) và bãi bỏ quyết định của Ủy ban nhân dân  
tỉnh Yên Bái về phân cấp quản lý trong lĩnh  
vực tài chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Tư pháp, Công Thương, Nông nghiệp và  
Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa,  
Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Ngoại vụ,  
Dân tộc và Tôn giáo;
- Công an tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Văn bản số 658/UBND-TH ngày 27/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tham mưu xây dựng quyết định sửa đổi, bổ sung các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý trong lĩnh vực tài chính, Sở Tài chính đã chủ trì tổng hợp dự thảo quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (cũ) và bãi bỏ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về phân cấp quản lý trong lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Để có cơ sở hoàn thiện dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bảo đảm theo quy định, Sở Tài chính đề nghị:

1. Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai đăng tải lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (thời hạn lấy ý kiến là 10 ngày kể từ ngày đăng tải).

2. Các cơ quan, đơn vị như kính gửi cho ý kiến tham gia đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Có dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định gửi kèm)

Văn bản tham gia của Quý cơ quan đề nghị gửi Sở Tài chính trước ngày 18/8/2025 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở TC;
- Lưu: VT, KT

*[Chữ ký]*



UBND TỈNH LÀO CAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày

tháng 8 năm 2025

## TỜ TRÌNH

**Ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (cũ) và bãi bỏ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về phân cấp quản lý trong lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện Văn bản số 658/UBND-TH ngày 27 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tham mưu xây dựng quyết định sửa đổi, bổ sung các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý trong lĩnh vực tài chính;*

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (cũ) và bãi bỏ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về phân cấp quản lý trong lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai, với nội dung như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định: “2. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Yên Bái và tỉnh Lào Cai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Lào Cai.”.

Khoản 10 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh “10. Ban hành quyết định và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.”.

Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai (cũ) và tỉnh Yên Bái đã ban hành và đang tổ chức triển khai thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quyết định của Ủy ban nhân dân 2 tỉnh bảo đảm khung khổ pháp lý, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, tạo điều kiện thuận lợi, giảm hồ sơ, thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Tuy nhiên, các quy định đang triển khai thực hiện trên địa bàn 2 tỉnh cũ có sự khác nhau do tính đặc thù và điều kiện riêng có của từng địa phương. Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Yên Bái và tỉnh Lào Cai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Lào Cai.

Để việc triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên tục, thông suốt, không để gián đoạn, việc ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (cũ) và bãi bỏ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Lào Cai, là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của cơ quan, xã hội, người dân và doanh nghiệp; bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân; tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành các quy định của pháp luật công khai, minh bạch và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

Là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, tăng tính chủ động cho các sở, ngành, địa phương, phát huy hiệu quả sử dụng vốn, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu của chương trình.

### **2. Quan điểm xây dựng**

Bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành; giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong thực tiễn; phù hợp với chủ trương, định hướng và

điều kiện thực tiễn khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động; tạo sự chủ động, linh hoạt trong tổ chức triển khai thực hiện.

Rà soát, đánh giá các quy định hiện hành đang phát huy hiệu quả để tiếp tục kế thừa, áp dụng thực hiện trong giai đoạn 2021-2025; loại bỏ những quy định bất cập, không còn phù hợp.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

Ngày 27 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Văn bản số 658/UBND-TH về việc *tham mưu xây dựng quyết định sửa đổi, bổ sung các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý trong lĩnh vực tài chính*, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng quyết định sửa đổi, bổ sung các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý trong lĩnh vực tài chính, bảo đảm thống nhất trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định pháp luật hiện hành.

Sở Tài chính đã chủ trì xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (cũ) và bãi bỏ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Lào Cai, tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành, địa phương và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại Văn bản số /STC-KT ngày tháng 8 năm 2025.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các các sở, ban, ngành, các địa phương, cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức có liên quan, Sở Tài chính đã nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện dự thảo quyết định. Ngày tháng 8 năm 2025, Sở Tài chính có Văn bản số /STC-KT gửi Sở Tư pháp để thẩm định. Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện dự thảo quyết định bảo đảm quy định.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

#### **1. Bố cục dự thảo quyết định:** Gồm 05 Điều, cụ thể:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về ban hành quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về sửa đổi điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## **2. Nội dung cơ bản của dự thảo quyết định**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về ban hành quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về sửa đổi điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai:

1. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 3 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“1. Cơ quan tổng hợp: Sở Tài chính tổng hợp chung các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cơ quan thường trực

a) Sở Dân tộc và Tôn giáo: Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.”.

2. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“a) Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư: Thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trừ các dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều này”.

3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 4 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã được giao làm chủ đầu tư, trừ các dự án quy định tại điểm c khoản 3 Điều này”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“1. Duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng: Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư đối với nguồn kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kinh phí duy tu, bảo dưỡng từng công trình và hoàn thiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn xã theo quy định, trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua, đồng thời gửi cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp; ưu tiên duy tu bảo dưỡng đối với những công trình cấp thiết trên địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.”.

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND và được sửa đổi tại Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023, như sau:

“ a) Cơ quan chủ đầu tư

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư:

+ Các dự án gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh;

+ Các dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên xã;

+ Các dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi một xã sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phù hợp với năng lực thực hiện của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi một xã; Ủy ban nhân dân cấp xã trung tâm (có trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc) làm chủ đầu tư các dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi một xã và các dự án liên xã, trừ trường hợp dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

b) Thẩm định dự án

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, do các cơ quan đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư và bộ phận giúp việc Hội đồng. Thành phần Hội đồng, gồm: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo Sở Tài chính, các sở, ngành, đơn vị có liên quan và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư và bộ phận giúp việc Hội đồng. Thành phần Hội đồng: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng; thành viên là lãnh đạo cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

c) Phê duyệt dự án

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, đơn vị trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp xã.”.

6. Sửa đổi khoản 3, Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“a) Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng.

b) Thẩm định dự án: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên là lãnh đạo cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện và chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết).

c) Phê duyệt dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án.”.

7. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 4 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

8. Sửa đổi Điều 6 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu tổng hợp (Sở Tài chính)

1. Tổng hợp, điều phối chung các chương trình mục tiêu quốc gia; tham mưu cho Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh trong chỉ đạo, điều hành chung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ; phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương, cân đối, bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm theo quy định.

3. Hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện các chương trình theo quy định.

4. Chủ trì kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc tổ chức triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp chung báo cáo kết quả thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của các bộ, ngành trung ương; Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

9. Bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư”; cụm từ “cho các huyện, thành phố” tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND.

10. Bãi bỏ Điều 12 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND.

11. Bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 2 Điều 14 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND.

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

2. Thay thế cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính” tại khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 6; điểm a, b khoản 2, điểm a, b, d, đ, e, h khoản 3, khoản 4 Điều 7, khoản 8 Điều 7; Điều 8; khoản 1, khoản 2 Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 16; điểm a khoản 5 Điều 16; điểm a khoản 6 Điều 16; điểm a khoản 7 Điều 16; điểm a khoản 8 Điều 16; điểm a khoản 10 Điều 16; điểm a, c, d khoản 12 Điều 16; khoản 3 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

3. Bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 3 Điều 11; khoản 3 Điều 12; Điều 13; điểm c khoản 4 Điều 15; điểm g khoản 12 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

4. Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại điểm a khoản 2 Điều 7, khoản 8 Điều 7; khoản 1 Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

5. Bỏ cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm g khoản 3 Điều 7; Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

6. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“c) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của chủ khoản viện trợ, tùy theo tính chất và quy mô khoản viện trợ, Sở Tài chính có văn bản (kèm theo hồ sơ khoản viện trợ) gửi Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan lấy ý kiến tham gia thẩm định”.

7. Thay thế cụm từ “Kho bạc Nhà nước tỉnh” bằng cụm từ “Kho bạc Nhà nước khu vực IX” tại điểm a khoản 2 Điều 11; điểm a, b, c khoản 2, điểm a, c

khoản 4 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

8. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“b) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm, dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài (sau đây gọi chung là viện trợ) thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.”.

10. Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.”.

11. Sửa đổi khoản 3 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.”.

12. Bỏ cụm từ “đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm b khoản 4 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

13. Bãi bỏ khoản 2, Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“3. Sở Tài chính

a) Là cơ quan đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này;

b) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của tỉnh về lập hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp nhận khoản viện trợ đã được bên cung cấp viện trợ chấp thuận và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành; Hướng dẫn xây dựng các khoản viện trợ nhằm phục vụ 10 vụ cho việc tăng cường hợp tác và xúc tiến, vận động viện trợ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn và các quy định pháp luật của Việt Nam;

c) Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến góp ý thẩm định của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ theo thẩm quyền và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh đối với các khoản viện trợ vượt thẩm quyền phê duyệt ở địa phương;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính đối với khoản viện trợ;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng đã cam kết với bên cung cấp viện trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh thực hiện các khoản viện trợ;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá, quản lý tài chính, sử dụng và thanh toán, quyết toán trong việc tiếp nhận, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các khoản viện trợ do người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt được triển khai trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Tổng hợp phân tích, đánh giá hiệu quả nguồn vốn viện trợ, kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận và sử dụng viện trợ thuộc thẩm quyền và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền;

g) Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất, dự thảo báo cáo hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất ngày 10/01 của năm tiếp sau gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định; Tổng hợp dự toán, quyết toán tài chính đối với các khoản viện trợ định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định”.

15. Sửa đổi khoản 4 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“4. Kho bạc Nhà nước khu vực IX.”.

16. Thay thế cụm từ “Ủy ban Mặt trận Tổ chức Việt Nam tỉnh Lào Cai” bằng cụm từ “Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai” tại điểm d khoản 5, điểm d khoản 9 Điều 16.

17. Sửa đổi khoản 7 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“7. Sở Xây dựng.”.

18. Sửa đổi khoản 10 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“10. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai.”.

19. Sửa đổi khoản 12 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“12. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.”.

20. Sửa đổi điểm h khoản 12 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“h) Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) làm đầu mối trong việc quản lý sử dụng các khoản viện trợ. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình tiếp nhận, thực hiện, giải ngân các khoản viện trợ tại địa phương.”.

21. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

**Điều 3.** Bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 8 năm 2025 và được áp dụng chung trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## **V. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH**

1. Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Tổng hợp giải trình các ý kiến tham gia.
3. Các tài liệu khác có liên quan.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở TC: Lãnh đạo sở, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KT.

**GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Đức Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 8 năm 2025



### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (cũ) và bãi bỏ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về phân cấp quản lý trong lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lào Cai tại Tờ trình /TTr-STC ngày tháng 8 năm 2025.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về ban hành quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về sửa đổi điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai:

1. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 3 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“1. Cơ quan tổng hợp: Sở Tài chính tổng hợp chung các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cơ quan thường trực

a) Sở Dân tộc và Tôn giáo: Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.”.

2. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“a) Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư: Thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trừ các dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều này”.

3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 4 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã được giao làm chủ đầu tư, trừ các dự án quy định tại điểm c khoản 3 Điều này”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“1. Duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng: Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư đối với nguồn kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kinh phí duy tu, bảo dưỡng từng công trình và hoàn thiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn xã theo quy định, trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua, đồng thời gửi cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp; ưu tiên duy tu bảo dưỡng đối với những công trình cấp thiết trên địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.”.

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND và được sửa đổi tại Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023, như sau:

“ a) Cơ quan chủ đầu tư

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư:

+ Các dự án gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh;

+ Các dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên xã;

+ Các dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi một xã sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phù hợp với năng lực thực hiện của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi một xã; Ủy ban nhân dân cấp xã trung tâm (có trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc) làm chủ đầu tư các dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi một xã và các dự án liên xã, trừ trường hợp dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

#### b) Thẩm định dự án

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, do các cơ quan đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư và bộ phận giúp việc Hội đồng. Thành phần Hội đồng, gồm: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo Sở Tài chính, các sở, ngành, đơn vị có liên quan và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư và bộ phận giúp việc Hội đồng. Thành phần Hội đồng: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng; thành viên là lãnh đạo cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

#### c) Phê duyệt dự án

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, đơn vị trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp xã.”.

6. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“a) Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng.

b) Thẩm định dự án: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên là lãnh đạo cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện và chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn,

kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết).

c) Phê duyệt dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án.”.

7. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 4 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

8. Sửa đổi Điều 6 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND, như sau:

“Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu tổng hợp (Sở Tài chính)

1. Tổng hợp, điều phối chung các chương trình mục tiêu quốc gia; tham mưu cho Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh trong chỉ đạo, điều hành chung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ; phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương, cân đối, bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm theo quy định.

3. Hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện các chương trình theo quy định.

4. Chủ trì kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc tổ chức triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp chung báo cáo kết quả thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của các bộ, ngành trung ương; Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

9. Bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư”; cụm từ “cho các huyện, thành phố” tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND.

10. Bãi bỏ Điều 12 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND.

11. Bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 2 Điều 14 quy định kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND.

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

2. Thay thế cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính” tại khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 6; điểm a, b khoản 2, điểm a, b, d, đ, e, h

khoản 3, khoản 4 Điều 7, khoản 8 Điều 7; Điều 8; khoản 1, khoản 2 Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 16; điểm a khoản 5 Điều 16; điểm a khoản 6 Điều 16; điểm a khoản 7 Điều 16; điểm a khoản 8 Điều 16; điểm a khoản 10 Điều 16; điểm a, c, d khoản 12 Điều 16; khoản 3 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

3. Bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 3 Điều 11; khoản 3 Điều 12; Điều 13; điểm c khoản 4 Điều 15; điểm g khoản 12 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

4. Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại điểm a khoản 2 Điều 7, khoản 8 Điều 7; khoản 1 Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

5. Bỏ cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm g khoản 3 Điều 7; Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

6. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“c) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của chủ khoản viện trợ, tùy theo tính chất và quy mô khoản viện trợ, Sở Tài chính có văn bản (kèm theo hồ sơ khoản viện trợ) gửi Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan lấy ý kiến tham gia thẩm định”.

7. Thay thế cụm từ “Kho bạc Nhà nước tỉnh” bằng cụm từ “Kho bạc Nhà nước khu vực IX” tại điểm a khoản 2 Điều 11; điểm a, b, c khoản 2, điểm a, c khoản 4 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

8. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“b) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm, dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài (sau đây gọi chung là viện trợ) thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.”.

10. Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.”.

11. Sửa đổi khoản 3 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.”.

12. Bỏ cụm từ “đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm b khoản 4 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

13. Bãi bỏ khoản 2, Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“3. Sở Tài chính

a) Là cơ quan đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này;

b) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của tỉnh về lập hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp nhận khoản viện trợ đã được bên cung cấp viện trợ chấp thuận và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành; Hướng dẫn xây dựng các khoản viện trợ nhằm phục 10 vụ cho việc tăng cường hợp tác và xúc tiến, vận động viện trợ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn và các quy định pháp luật của Việt Nam;

c) Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến góp ý thẩm định của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ theo thẩm quyền và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh đối với các khoản viện trợ vượt thẩm quyền phê duyệt ở địa phương;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính đối với khoản viện trợ;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng đã cam kết với bên cung cấp viện trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh thực hiện các khoản viện trợ;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá, quản lý tài chính, sử dụng và thanh toán, quyết toán trong việc tiếp nhận, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các khoản viện trợ do người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt được triển khai trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Tổng hợp

phân tích, đánh giá hiệu quả nguồn vốn viện trợ, kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận và sử dụng viện trợ thuộc thẩm quyền và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền;

g) Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất, dự thảo báo cáo hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất ngày 10/01 của năm tiếp sau gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định; Tổng hợp dự toán, quyết toán tài chính đối với các khoản viện trợ định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định”.

15. Sửa đổi khoản 4 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“4. Kho bạc Nhà nước khu vực IX.”.

16. Thay thế cụm từ “Ủy ban Mặt trận Tổ chức Việt Nam tỉnh Lào Cai” bằng cụm từ “Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai” tại điểm d khoản 5, điểm d khoản 9 Điều 16.

17. Sửa đổi khoản 7 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“7. Sở Xây dựng.”.

18. Sửa đổi khoản 10 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“10. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai.”.

19. Sửa đổi khoản 12 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“12. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.”.

20. Sửa đổi điểm h khoản 12 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, như sau:

“h) Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) làm đầu mối trong việc quản lý sử dụng các khoản viện trợ. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình tiếp nhận, thực hiện, giải ngân các khoản viện trợ tại địa phương.”.

21. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

**Điều 3.** Bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện

trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 8 năm 2025 và được áp dụng chung trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Ngoại giao;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Báo Lào Cai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Huy Tuấn**